

Bản án số: 48/2021/HS-ST
Ngày: 14/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cẩn; Ông Nguyễn Văn Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Văn T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1996 tại: Huyện T, tỉnh Lai Châu; nơi cư trú: Bản N, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông: Lò Văn X, sinh năm 1961, con bà: Lò Thị K, sinh năm 1963. Gia đình bị cáo có 03 anh, chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Vợ: Lò Thị K, sinh năm 1998. Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 03/3/2021, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Đến ngày 27/3/2021, bị cáo bị áp dụng biện pháp “Tạm giam”. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu (*Có mặt*).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Mạnh H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (*Có mặt*).

- Bị hại: Chị Lò Thị N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản N, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (*Vắng mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh lai Châu (*Vắng mặt*).

- Người làm chứng: Cháu Tòng Văn C, sinh ngày 06/8/2004. Nơi cư trú: Bản N, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (*Vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp của cháu Tòng Văn C: Chị Lò Thị N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản N, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 29/01/2021, chị Lò Thị N treo 01 chiếc túi loại túi thổ cẩm có dây đeo, túi có khóa kéo (*loại túi tự làm*) bên trong đựng số tiền 3.007.000 đồng (*gồm 06 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 5.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 2.000 đồng*) lên 01 chiếc đinh đóng trên tường trong phòng ngủ của chị N cạnh cửa ra vào để đi ngủ, trước khi đi ngủ con trai của chị N là cháu Tòng Văn C, sinh năm 2004 có mượn 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo U3x, màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa màu nâu để sử dụng, chị N nhất trí. Sau đó, C mang chiếc điện thoại ra phòng khách giữa nhà nơi đặt 01 tấm đệm rồi ngồi đó chơi điện tử. Đến khoảng 03 giờ, ngày 30/01/2021, cháu C không sử dụng điện thoại nữa mà cầm sạc rồi để trên tấm đệm cạnh tường phía trên đầu của cháu C rồi đi ngủ. Trước khi đi ngủ cháu C không khóa cửa, không tắt điện thấp sáng. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, Lò Văn T, trú cùng bản đi bộ từ nhà đến nhà chị N với mục đích để trộm cắp tài sản mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Khi đến nhà chị N, T quan sát thấy cửa không khóa, có ánh sáng điện nên đi vào nhà thì thấy chị N đang ngủ trong phòng còn cháu C đang nằm ngủ ở trên tấm đệm tại phòng khách giữa nhà, phía trên đầu tấm đệm cạnh tường phần trên đầu cháu C đang nằm để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo U3x, màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa màu nâu đang cầm sạc pin. Thấy vậy, T dùng tay trái cầm chiếc điện thoại, tay phải rút dây sạc ra khỏi chiếc điện thoại rồi dùng tay phải cầm chiếc điện thoại rồi đi về nhà ngủ. Đến nhà, T thử mở khóa màn hình chiếc điện thoại thì khi nhập 06 lần số 2 nên T mở được khóa màn hình rồi nên tắt nguồn chiếc điện thoại và đi ngủ. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, chị N kiểm tra phát hiện mất tài sản nên đã làm đơn trình báo lên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên để giải quyết. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, T đi bộ mang chiếc điện thoại vừa trộm cắp được của chị N đến cửa hàng điện thoại di động “Minh Đ” thuộc tổ dân phố 32, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên do anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố X, thị trấn T, huyện T làm chủ nói là điện thoại của T không dùng nữa đem bán. Sau đó, T đưa chiếc điện thoại cho anh Đ kiểm tra và đọc mật khẩu màn hình là 06 lần số 2 cho anh Đ để mở máy, Anh Đ kiểm tra trong điện thoại có hình ảnh của chị N nên anh Đ hỏi thì T nói dối đó là chị gái T nên anh Đ không nghi ngờ gì và đồng ý mua chiếc điện thoại này với số tiền là 1.500.000 đồng và tháo thẻ sim từ chiếc điện thoại ra đưa cho T. Số tiền do bán điện thoại mà có, T đã tiêu sài cá nhân hết, còn chiếc sim điện thoại T mang về nhà cất giấu rồi giao nộp cho cơ quan điều tra để giải quyết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL- HĐĐGTS ngày 05/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tân Uyên kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo U3x, màu xanh có trị giá là 2.500.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Vật chứng thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường: 01 chiếc túi loại túi thổ cẩm có dây đeo, túi có khóa kéo (*loại túi tự làm*).

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Minh Đ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo U3x, màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa màu nâu.

Vật chứng thu giữ của Lò Văn T: 01 thẻ sim của nhà mạng viettel 4G mang dãy số 8984048000061075356.

Ngày 03/3/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên đã tiến hành trao trả toàn bộ số vật chứng trên cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lò Thị N.

Về phần dân sự: Chị Lò Thị N không đề nghị bị cáo Lò Văn T phải bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh Đ yêu cầu bị cáo Lò Văn T phải bồi thường số tiền 1.500.000 đồng do đã mua điện thoại.

Tại bản cáo trạng số: 40/CT-VKS-TU, ngày 20/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên truy tố bị cáo Lò Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận điều tra và bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và giải quyết phân trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên.

Người bào chữa phân tích, đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt; miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Khoảng 03 giờ, ngày 30/01/2021, tại bản Nà Ban, xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, Lò Văn T đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo U3x, màu

xanh có trị giá là 2.500.000 đồng của chị Lò Thị N, mục đích mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Lò Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

Đối với đề nghị của người bào chữa áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật nên được chấp nhận. Ngoài ra tại phiên tòa, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy tài sản mà bị cáo trộm cắp có giá trị trên mức định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, tài sản bị cáo trộm cắp đã bị thu hồi và trả lại cho bị hại là nằm ngoài ý muốn của bị cáo do đó đề nghị của người bào chữa về áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự không được chấp nhận.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên được bố, mẹ nuôi dưỡng không được đi học, ở nhà phụ giúp gia đình và xây dựng gia đình. Ngày 30/01/2021 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ngày 03/03/2021 bị cáo bị khởi tố.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo là người dân tộc thiểu số, kinh tế khó khăn, tài sản mà bị cáo trộm cắp đã được thu hồi. Ngoài ra bị cáo thuộc hộ nghèo tại địa phương nơi cư trú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Hành vi của bị cáo Lò Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một mức án phù hợp, tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo khó khăn về kinh tế, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo tại nơi cư trú. Do đó Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lò Thị N đã nhận được tài sản mà bị cáo đã trộm cắp nên chị N không yêu cầu bồi thường, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại cơ quan điều tra anh Đ yêu cầu bị cáo Lò Văn T phải bồi thường số tiền 1.500.000 đồng đã mua điện thoại. Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu bồi thường của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở và được chấp nhận.

[6] Về vật chứng: Ngày 03/03/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên đã tiến hành trao trả: 01 chiếc túi loại túi thổ cẩm có dây đeo, túi có khóa kéo (*loại túi tự làm*); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo U3x, màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa màu nâu; 01 thẻ sim của nhà mạng viettel 4G mang dãy số 8984048000061075356 cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lò Thị N là hoàn toàn phù hợp do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Những vấn đề có liên quan: Đối với Nguyễn Minh Đ là người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo U3x, màu xanh có ốp nhựa màu nâu do Lò Văn T trộm cắp mà có. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Minh Đ không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ để xử lý.

Trong vụ án này, chị Lò Thị N khai mất trộm số tiền 3.000.000 đồng để trong chiếc túi thổ cẩm treo ở trên tường vào đêm ngày 29/01/2021 rạng ngày 30/01/2021. Quá trình điều tra, Lò Văn T không thừa nhận, ngoài lời khai duy nhất của chị Lò Thị N không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh, do đó cơ quan điều tra đã tách ra khi nào có đủ căn cứ sẽ giải quyết bằng 01 vụ án độc lập khác là hoàn toàn phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo tại nơi cư trú do đó cần miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Các Điều 579, 580, 584; 585; 586; 589 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 3X/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn T 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/3/2021.

Miễn hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) cho anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- Công an huyện Tân Uyên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Thanh